

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
T PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 08 - 2022

V/v tranh chấp về ly hôn và
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, T PHỐ HẢI PHÒNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, T phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, T phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 344/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 379/2022/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị I; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14 L, phường L, quận N, T phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 6 ngõ 28 C, phường T, quận L, T phố Hải Phòng; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14 L, phường L, quận N, T phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 21/35/183 Đ, phường H, quận L, T phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị I trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Ngô Quyền, Hải Phòng vào ngày 27/7/2005. Đến nay có 01 con chung là

Nguyễn Phương T, s/lh ngày 04/10/2005. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng đỉnh điểm từ năm 2018 do quan điểm sống, lối sống, tính cách không còn hòa hợp; ông T không chịu khó làm ăn lại hay đánh đập, đe dọa, chửi bới xúc phạm bà I. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không khí gia đình căng thẳng, nặng nề. Hai bên gia đình đã khuyên giải, động viên nhưng không có kết quả. Cũng từ năm 2018, bà I và con gái đã đi nơi khác để ở, hai bên sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ đó đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm không còn, tiếp tục cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương T, s/lh ngày 04/10/2005, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi T niên, việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà I không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Bà I nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại các buổi làm việc vào ngày 13/5/2022, ngày 20/5/2022; buổi hoà giải vào ngày 17/6/2022 và tại phiên tòa, ông T đều vắng mặt không có lý do đủ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà I và ông T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường phường T, quận Ngô Quyền, Hải Phòng vào ngày 27/7/2005 và có 01 con chung là Nguyễn Phương T, s/lh ngày 04/10/2005. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống, lối sống bất đồng và đã ly thân mỗi người một nơi từ năm 2018 đến nay. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà I được ly hôn ông T; về con chung: Giao con chung cho bà I trực tiếp nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về tài sản chung: Bà I không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về án phí: Bà I phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Ngô Thị I khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Văn T là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn và bị đơn cư trú tại địa bàn quận Lê Chân, T. phố Hải Phòng nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, T phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Bà Ngô Thị I và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2005 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Ngô Quyền, T phố Hải Phòng cấp ngày 27 tháng 7 năm 2005 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống, lối sống, tính cách không hòa hợp và đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2018 đến nay, không quan tâm đến nhau về mọi mặt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đến Tòa án để làm việc và tiến hành hoà giải nhưng ông T đều không có mặt; tại phiên toà ông T cũng không có mặt để đưa ra quan điểm của mình về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án, điều đó cho thấy ông T đã không thực sự cố gắng trong việc hàn gắn những rạn nứt trong quan hệ tình cảm vợ chồng. Tiến hành thu thập chứng cứ xác minh về thực trạng hôn nhân giữa bà I và ông T tại nơi cư trú cho thấy: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau và hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2018 đến nay. Do vậy, việc bà I đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa bà I và ông T đã thực sự trầm trọng; cuộc sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử cho bà Ngô Thị I được ly hôn ông Nguyễn Văn T là phù hợp.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Phương T, sinh ngày 04/10/2005, bà I đề nghị Tòa án giao con cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi T niên. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu T ở cùng bà I, có cuộc sống ổn định nên giao con chung cho bà I trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung bà I không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà I không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà I phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Ngô Thị I và ông Nguyễn Văn T.
2. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Phương T, sinh ngày 04/10/2005; giao con chung cho bà I trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Bà I phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Số tiền này bà I đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai thu tiền số 0005264 ngày 12 tháng 4 năm 2022.
4. Về quyền kháng cáo: Bà I được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
5. Về quyền thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND p. T, quận Ngô Quyền,
TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương